

# HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT KHOÁ CỬA MẬT MÃ NEWERA NE6666FP99



## 1. Important Tips / Lưu ý quan trọng:

- 1.1 The factory default master code is “111111”. Please change the master code on the initial use referring to 2.4. To change master code will not affect user code  
Mật mã chủ mặc định nhà sản xuất là “111111”. Vui lòng thay đổi mật mã chủ này khi bắt đầu sử dụng theo hướng dẫn ở bước 2.4 ở dưới. Thay đổi mật mã chủ không ảnh hưởng đến các mật mã người dùng
- 1.2 Carefully keep the override key, take one override key with you and put the spare key in the office or car in order to avoid power failure of door lock.  
Giữ thật cẩn thận chìa khoá cơ, mang theo 1 chìa khoá cơ theo người và đặt chiếc còn lại ở văn phòng hoặc xe ô tô của bạn tránh trường hợp khoá lỗi pin không thể sử dụng.
- 1.3 Sound definitions: one short beep indicates a sound of key pressing; one long beep indicates a successful operation; three short beeps indicates a failed operation or the user is exist; four very short beeps when unlocking indicates low voltage.  
Các kiểu âm thanh: 1 tiếng bíp ngắn ngụ ý âm thanh khi cho chìa vào ổ khoá; 1 tiếng bíp dài ngụ ý cài đặt/hoạt động thành công; 3 tiếng bíp ngắn ngụ ý cài đặt/hoạt động thất bại hoặc người sử dụng đã tồn tại; 4 tiếng bíp rất ngắn khi cửa mở ngụ ý pin sắp hết.
- 1.4 If a code is wrongly input for 3 times, the keypad is shut down for 10 seconds.  
Nếu 1 mật mã sai 3 lần, bàn phím sẽ tắt trong 10 giây
- 1.5 The lock can store 200 codes.  
Khoá có thể chứa 200 mật mã
- 1.6 Do not use corrosive cleaner liquid on lock surface. Clean it with furniture spray wax in time.  
Đừng sử dụng chất lỏng ăn mòn để lau chùi bề mặt khoá. Lau chùi với chất sáp xịt dùng cho đồ nội thất.
- 1.7 The operations from 2.6 to 2.11 are optional functions, which are designed for specified customers.  
Chức năng từ 2.6 đến 2.11 là chức năng lựa chọn, được thiết kế cho khách hàng có yêu cầu đặc biệt (khoá thông thường bạn mua không có chức năng này)  
Please check whether the foam insert is marked with any optional function when unpacking the package.  
Vui lòng kiểm tra xốp chèn được đánh dấu với bất kỳ chức năng lựa chọn nào có đúng không khi mở hộp sản phẩm.

## 2. Operation / Hoạt động

### 2.1 Unlocking Operation / Mở khoá

2.1.1 Unlocking Door with a Code: Press a valid 6-digit code and turn the handle. / Mở cửa với 1 mật mã: Nhấn 1 mật mã 6 chữ số đã cài đặt và gạt tay gạt

2.1.2 Unlocking Door with an Override Key: Use the magnet bar to remove the cylinder cover, insert a key into the cylinder, rotate the key 90 counterclockwise, and turn the handle. / Mở cửa với chìa cơ: Sử dụng thanh nam châm hút để lấy nắp dầu ổ khoá ở tay gạt, chèn chìa cơ vào ổ khoá, xoay chìa 90 độ theo chiều kim đồng hồ và gạt tay gạt

### 2.2 Enrolling Code User / Cài đặt mật mã người sử dụng

Press: ## + Master Code + # \* \* + 3-digit User ID + 6-digit User Code + 6-digit User Code

Nhấn: ## + Mật mã chủ + # \* \* + 3 số định danh ID người sử dụng (lưu ý đây không phải là mật mã mà được hiểu là số thứ tự người dùng hoặc định danh người dùng và không cần theo số thứ tự nhưng không được trùng nhau, tổng cộng là 200 định danh) + Mật mã 6 số người sử dụng tương ứng với số định danh ID vừa tạo + Mật mã 6 số người sử dụng tương ứng với số định danh ID vừa tạo

Eg. Press: ## + 111111 + # \* \* + 001 + 123456 + 123456

Ví dụ: ## + 111111 + # \* \* + 001 + 123456 + 123456

Note: \* and # can not be used to create a user ID. User ID is from 000 to 199. Do remember to write down the 3-digit user ID for future management.

Lưu ý: \* và # không thể dùng để tạo số định danh. Mã định danh ID có thể từ 000 đến 199. Nhớ ghi lại số định danh ID này để quản lý sau này. Có thể lưu vào email bí mật hoặc ghi giấy.

### 2.3 Deleting Code User / Xoá mật mã người dùng

Press: ## + Master Code + \* # \* + 3-digit User ID + 3-digit User ID

Nhấn: ## + Mật mã chủ + \* # \* + 3 số định danh ID người sử dụng + 3 số định danh ID người sử dụng

### 2.4 Changing Code (Master Code or User Code) / Thay đổi mật mã (Áp dụng cho cả việc thay đổi mật mã chủ hoặc mật mã người sử dụng)

Press: ## + Old Code + \* \* \* + New Code + New Code

Nhấn: ## + Mật mã cũ + \* \* \* + Mật mã mới + Mật mã mới

Lưu ý mật mã mới là mật mã 6 số

---

## Not Commonly Used Functions / Chức năng sử dụng đặc biệt khi đặt hàng (Không áp dụng với khoá thông thường bạn vừa mua). Chức năng từ 2.5 đến 2.11 này phải đặt hàng

### 2.5 Enabling/Disabling Passage Mode / Cài đặt/Khoá chức năng đi lại tự do

Press: ## + Master Code + # # # + # # #

Nhấn: ## + Mật mã chủ + # # # + # # #

Note: Under passage mode, to press any keypad will unlock the door.

Lưu ý: Ở trạng thái đi lại tự do, nhấn bất kỳ 1 mã nào của khoá cửa sẽ mở

### 2.6 Setting Date (Available when the foam insert is marked with “Timelock” or “Audit Trail”) / Cài đặt thời gian ngày/tháng/năm (chỉ có khi xốp chèn được đánh dấu là “Timelock” hoặc “Audit Trail”)

Press: ## + Master Code + # # \* + “YY/MM/DD” (twice)

Nhấn: ## + Mật mã chủ + # # \* + “YY/MM/DD” (2 lần)

Eg. If the date is Aug 5, 2011, the operation is below:

Ví dụ: Nếu thiết lập ngày 5 tháng 8 năm 2011 thì cài đặt như sau:

Press: ## + Master Code + # # \* + “110805” “110805”

Nhấn: ## + Mật mã chủ + # # \* + “110805” “110805”

### 2.7 Setting Time (Available when the foam insert is marked with “Timelock” or “Audit Trail”) / Cài đặt thời gian giờ trong ngày (chỉ có khi xốp chèn được đánh dấu là “Timelock” hoặc “Audit Trail”)

Press: ## + Master Code + # \* # + “HH/MM” (twice, 24-hour system)

Nhấn: ## + Mật mã chủ + # \* # + “HH/MM” (2 lần, Hệ thống 24h)

Eg. If the time is 14:05pm, the operation is below:

Ví dụ: Nếu thời gian là 14h05 thì cài đặt như sau:

Press: ## + Master Code + # \* # + “1405” “1405”

Nhấn: ## + Mật mã chủ + # \* # + “1405” “1405”

2.8 Enabling Timelock Mode (Means setting valid time of unlocking. Available when the foam insert is marked with “Timelock”) / **Cài đặt chế độ Timelock (Nghĩa là cài đặt thời gian cửa luôn mở. chỉ có khi xếp chèn được đánh dấu là “Timelock”)**

Press: ## + Master Code + \* ## + “StartingTimeEndingTime” (twice, 24-hour system)

Nhấn: ## + Mật mã chủ + \* ## + “Thời gian bắt đầuThời gian kết thúc” (2 lần, Hệ thống 24h)

Eg. If the valid time is 8:00 to 18:00,the operation is below:

Ví dụ: Nếu thời gian cài đặt là từ 8:00 đến 18:00 thì cài đặt như sau:

Press: ## + Master Code + \* ## + “08001800” “08001800”

Nhấn: ## + Mật mã chủ + \* ## + “08001800” “08001800”

Note: Before this mode is enabled, please set date and time at first as 2.7 and 2.8 show.

Lưu ý: Trước khi cho phép cài đặt chức năng này, vui lòng thiết lập ngày và giờ ở mục 2.7 và 2.8 ở trên

2.9 Disabling Timelock Mode ( Available when the foam insert is marked with “Timelock”) / **Khoá chức năng Timelock (chỉ có khi xếp chèn được đánh dấu là “Timelock”)**

Set the “StartingTime” and “EndingTime” to be same time,the system will cancel the valid time setting.

Cài đặt “Thời gian bắt đầu” và “Thời gian kết thúc” giống nhau, hệ thống sẽ huỷ chức năng này

Eg. Set the “StartingTime” and “EndingTime” to be 00:00 and 00:00.the Operation is below:

Ví dụ: Thiết đặt “Thời gian bắt đầu” và “Thời gian kết thúc” là 00:00 và 00:00 như dưới đây:

Press: ## + Master Code + \* ## + “00000000” “00000000”

Nhấn: ## + Mật mã chủ + \* ## + “00000000” “00000000”

2.10 Audit Trail( Available when the foam insert is marked with “Audit Trail”) / **Chức năng Audit Trail (chỉ có khi xếp chèn được đánh dấu là “Audit Trail”). Audit Trail là chức năng lấy dữ liệu từ khoá qua dụng cụ POS**

Connect the POS with the lock, then turn on the POS power switch, and press any key on the lock.

The indicator lights on the POS and lock will flash at the same time, after the indicator lights stop flashing and a long beep sounds, the audit trail downloading is completed. Connect the POS with the computer and read it on the software.

Kết nối dụng cụ POS với khoá, sau đó bật công tắc POS, và nhấn bất kỳ phím nào trên khoá. Đèn POS sáng và khoá sẽ nháy ở cùng thời gian, sau khi đèn POS dừng lại và 1 tiếng bíp dài, dữ liệu đã được tải về POS hoàn toàn. Kết nối POS với máy tính và đọc nó trong phần mềm.

Note: Please set date and time on the initial use as 2.7 and 2.8 show if you want to use this function.

POS (with free software) should be bought from the supplier.

Lưu ý: Vui lòng thiết lập ngày và thời gian trước ở bước 2.7 và 2.8 nếu bạn muốn sử dụng chức năng này.

The lock with this function can store the latest 250 door opening records

Khoá với chức năng này có thể chứa 250 dữ liệu mở cửa mới nhất trong vòng 10 năm

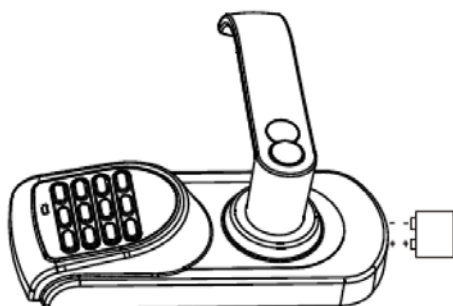
2.11 9v External Battery (Available when electrodes exist on the bottom surface of the front lock body)

/ **Chức năng pin mở rộng 9V (có khi nhìn thấy điện cực trên bề mặt phía dưới của mặt khoá trước)**

9V external battery is used in emergency, eg the power failure. Please connect the 9v external battery electrodes with the electrodes of the lock for seconds as the picture shows, then you can press a valid code to open the lock.

Pin 9V có thể được sử dụng trong trường hợp khẩn cấp, ví dụ như hết pin ở khoá. Vui lòng kết nối điện cực pin mở rộng 9V với điện cực của khoá trong vài giây như ảnh ở dưới, sau đó nhấn 1 mật mã đã có bất kỳ để mở khoá.

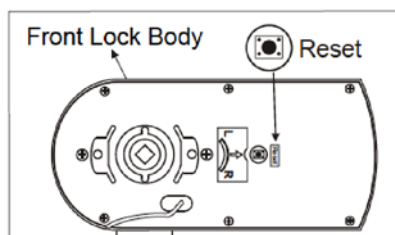
Vị trí lắp pin mở rộng 9V như hình bên



## 2.12 Reset / Cài đặt mặc định

Connect the power wire on the front lock body with the batteries. Keep pressing the RESET button on the front plate with a small stick for seconds and press any key to wake up the lock. Operation succeeds after hearing a long beep. Lock will return to factory default status with master code 111111 and all its memory is cleared.

Kết nối dây điện nguồn ở mặt trước của thân khoá với pin. Nhấn và giữ nút RESET mặt trước của bản ốp khoá với 1 que nhỏ (ví dụ tua vít) trong vài giây và nhấn bất kỳ phím nào để khởi động khoá. Hoạt động thành công sau khi nghe thấy 1 tiếng bíp dài. Khoá sẽ trở về trạng thái mặc định nhà sản xuất với mật mã chủ là 111111 và tất cả bộ nhớ sẽ được xoá hết.

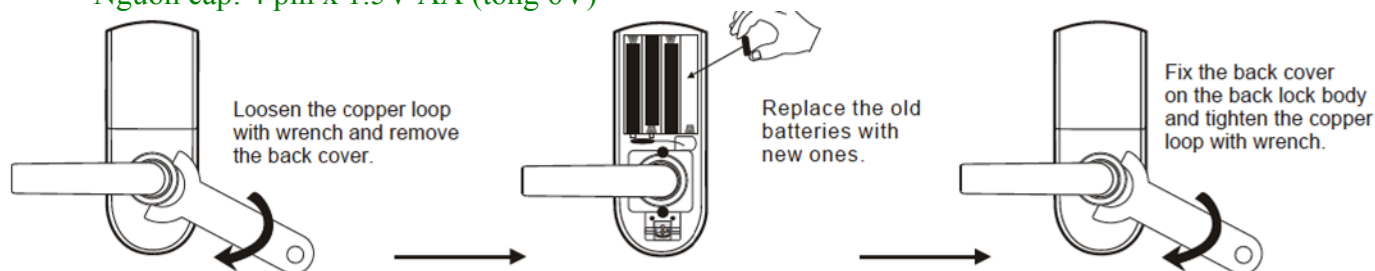


Nút Reset như hình bên

## 2.13 Change the Batteries / Thay pin

Power Supply: 4x1.5V AA Alkaline Batteries.

Nguồn cấp: 4 pin x 1.5V AA (tổng 6V)



## 3. Solutions for Common Error / Giải pháp cho các lỗi thông thường

Phenomenon / Hiện tượng	Cause / Nguyên nhân	Solution / Giải pháp
Four beeps sound when opening the door 4 tiếng bíp khi mở cửa	Low battery voltage Pin yếu	Change the batteries Thay pin
No response when pressing the keypad Không phản hồi khi nhấn bàn phím	No battery Không có pin	Change the batteries Thay pin
Red light is constantly on Đèn đỏ luôn sáng	1.Low battery voltage 1. Pin yếu 2.PCB failure 2. PCB lỗi	1.Change the batteries 1. Thay pin 2.Check cable connection 2. Kiểm tra lại kết nối của dây
Fail to enter the enrollment or deletion mode Thất bại khi cài đặt/thiết lập hoặc xoá	1.The code for enrollment or deletion is not the master code 1. Mật mã cài đặt hoặc xoá không phải là mật mã chủ 2.The operational procedure is incorrect 2. Trình tự cài đặt/thiết lập sai	1.Confirm that you enroll or delete with the master code 1. Xem lại và chắc chắn là bạn thiết lập hoặc cài đặt với mật mã chủ đúng 2.Review the instructions 2. Xem lại hướng dẫn thật kỹ